

Phụ lục III

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 CỦA HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Krông Na	Xã Cuôr Knia	Xã Ea Huar	Xã Ea Wer	Xã Tân Hòa	Xã Ea Nuôl	Xã Ea Bar
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(11)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	131,2	11,2	1,2	20,7	11,3	16,7	67,2	2,8
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	0,1	0,1	-	-	-	-	-	-
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	0,04	0,04	-	-	-	-	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	23,2	2,9	0,3	9,6	6,0	3,3	0,7	0,4
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	98,1	3,7	1,0	11,1	5,3	13,4	61,3	2,4
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	9,8	4,6	-	-	-	-	5,2	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp									
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,3	-	-	-	-	0,1	-	0,2